

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống
hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý
của ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 1023/QĐ-BXD ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Kế hoạch số 316/KH-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1787/TTr-SXD ngày 26/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Xây dựng;
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, P.KSTTHC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA NGÀNH XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Trang
A	Thủ tục hành chính nội bộ giữa Sở Xây dựng với các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Xây dựng tỉnh Bình Phước			
1	Thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng	4
2	Lấy ý kiến thống nhất đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện.	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng, UBND cấp huyện	6
3	Góp ý đối với các quy hoạch do các Sở, ngành, địa phương đề nghị Sở Xây dựng có ý kiến góp ý.	Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Xây dựng	7
4	Thẩm định phê duyệt Chương trình phát triển từng đô thị	Phát triển đô thị	Sở Xây dựng, UBND cấp huyện	8
5	Thẩm định đề án phân loại đô thị, công nhận đô thị đối với đô thị loại V	Phát triển đô thị	Sở Xây dựng, UBND cấp huyện	9
6	Xây dựng chương trình phát triển nhà ở của địa phương	Nhà ở	Sở Xây dựng	11
7	Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương	Nhà ở	Sở Xây dựng	13
8	Điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở	Nhà ở	Sở Xây dựng	14
B	Thủ tục hành chính nội bộ của Sở Xây dựng			
9	Tiếp nhận và xử lý văn bản đến của Sở Xây dựng	Văn phòng	Sở Xây dựng	16

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA SỞ XÂY DỰNG VỚI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

I. LĨNH VỰC QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC

1. Thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan tổ chức lập quy hoạch nộp hồ sơ trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính) 01 bộ gửi về Bộ phận Văn thư của Sở Xây dựng.

- Bước 2: Công chức kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các văn bản có trong hồ sơ (*yêu cầu, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định*). Vào sổ hồ sơ văn bản đến, nội dung cần giải quyết.

- Bước 3: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan để thẩm định. Trường hợp hồ sơ, nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị không đáp ứng yêu cầu, Sở Xây dựng có văn bản gửi cơ quan tổ chức lập quy hoạch bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, cụ thể:

+ Chủ trì thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị; tổ chức Đoàn công tác đi kiểm tra thực tế hiện trạng để làm rõ thêm một số nội dung theo hồ sơ đề nghị.

+ Hoàn thành, gửi dự thảo báo cáo thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị; bản sao hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng, đô thị; dự kiến các nội dung cần xin ý kiến và các tài liệu liên quan khác đến các thành viên Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh (Hội đồng thành lập theo Quyết định số 1644/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh).

+ Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để Hội đồng tiến hành họp và triển khai thực hiện các kết luận của Hội đồng;

+ Hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt;

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; thuyết minh nội dung nhiệm vụ bao gồm các bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức

và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch.

- Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được duyệt; dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung đồ án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; đĩa CD sao lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đồ án.

b) Số lượng hồ sơ: 20 bộ thuyết minh (kèm bản vẽ A3 in màu) và 02 bộ bản vẽ in màu đúng tỷ lệ.

1.4. Thời hạn giải quyết :

- Đối với đồ án Quy hoạch vùng liên huyện, vùng huyện; quy hoạch chung xây dựng khu chức năng; quy hoạch chung thành phố, thị xã, thị trấn, đô thị mới; quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đô thị: thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch không quá 20 ngày làm việc, thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày làm việc.

- Đối với các đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng: thời gian thẩm định nhiệm vụ không quá 15 ngày làm việc, thời gian thẩm định đồ án không quá 25 ngày làm việc.

1.5. Đối tượng thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt và cơ quan tổ chức lập Quy hoạch

1.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Xây dựng

- Cơ quan thực hiện: Phòng Quy hoạch - Kiến trúc

1.7. Kết quả thực hiện: Báo cáo thẩm định

1.8. Phí, lệ phí: Mức phí thu theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

1.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch.

- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

2. Lấy ý kiến thống nhất đề án quy hoạch xây dựng, đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện

2.1. Trình tự thực hiện: Không quy định

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc hệ thống điều hành tác nghiệp hoặc qua dịch vụ bưu chính

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản lấy ý kiến thống nhất của UBND cấp huyện.
- Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt; thuyết minh tổng hợp bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; quy định quản lý theo đề án quy hoạch được duyệt (không áp dụng đối với trường hợp lấy ý kiến nhiệm vụ quy hoạch);
- Dự thảo báo cáo thẩm định, quyết định phê duyệt; bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan; văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ, đề án quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch; file mềm lưu toàn bộ nội dung hồ sơ đề án.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quá 15 ngày

2.5. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện

2.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Xây dựng
- Cơ quan thực hiện: Phòng Quy hoạch - Kiến trúc

2.7. Kết quả thực hiện: Văn bản ý kiến của Sở Xây dựng

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

2.11. Căn cứ pháp lý:

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/3009/QH12 ngày 17/6/2009;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

3. Góp ý đối với các quy hoạch do các Sở, ngành, địa phương đề nghị Sở Xây dựng có ý kiến góp ý

3.1. Trình tự thực hiện: Không quy định

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua hệ thống điều hành tác nghiệp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

3.4. Thời hạn giải quyết: Theo yêu cầu tại văn bản đề nghị

3.5. Đối tượng thực hiện: Các Sở, ngành, địa phương

3.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Xây dựng

- Cơ quan thực hiện: Phòng Quy hoạch - Kiến trúc

3.7. Kết quả thực hiện: Văn bản góp ý của Sở Xây dựng

3.8. Phí, lệ phí: Không quy định

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

3.11. Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 08/02/2023 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước;

- Quyết định số 528/QĐ-SXD ngày 03/3/2023 của Giám đốc Sở Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng Quy hoạch - Kiến trúc.

II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

4. Thẩm định Chương trình phát triển từng đô thị.

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: UBND cấp huyện nộp hồ sơ trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính) 01 bộ gửi về Bộ phận Văn thư của Sở Xây dựng.

- Bước 2: Công chức kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các văn bản có trong hồ sơ (*yêu cầu, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định*). Vào sổ hồ sơ văn bản đến, nội dung cần giải quyết.

- Bước 3: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan để thẩm định. Trường hợp hồ sơ, nội dung Chương trình phát triển từng đô thị không đáp ứng yêu cầu, Sở Xây dựng có văn bản gửi UBND cấp huyện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

4.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định Chương trình phát triển đô thị theo hướng dẫn tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị.

- Nghị quyết của HĐND cấp huyện thông qua Chương trình phát triển đô thị.

b) Số lượng hồ sơ: 15 bộ Hồ sơ Chương trình phát triển đô thị có thành phần theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014.

4.4. Thời hạn giải quyết : 15 ngày

4.5. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện

4.6. Cơ quan giải quyết:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Xây dựng

b) Cơ quan thực hiện: Phòng Quy hoạch - Kiến trúc

4.7. Kết quả thực hiện: Báo cáo thẩm định

4.8. Phí, lệ phí: Không quy định

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

4.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị.

5. Thẩm định đề án phân loại đô thị đối với đô thị loại V

5.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: UBND cấp huyện nộp hồ sơ trực tiếp (hoặc qua dịch vụ bưu chính) 01 bộ gửi về Bộ phận Văn thư của Sở Xây dựng.

- Bước 2: Công chức kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các văn bản có trong hồ sơ (*yêu cầu, hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định*). Vào sổ hồ sơ văn bản đến, nội dung cần giải quyết.

- Bước 3: Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan để thẩm định. Trường hợp hồ sơ, nội dung đề án phân loại đô thị không đáp ứng yêu cầu, Sở Xây dựng có văn bản gửi UBND cấp huyện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định, cụ thể:

+ Chủ trì thẩm định hồ sơ đề án phân loại đô thị; tổ chức Đoàn công tác đi kiểm tra thực tế hiện trạng đô thị đề nghị công nhận loại đô thị để làm rõ thêm một số nội dung theo hồ sơ đề nghị.

+ Hoàn thành, gửi dự thảo báo cáo thẩm định đề án phân loại đô thị, bản sao hồ sơ đề án phân loại đô thị, dự kiến các nội dung của từng tiêu chí và mức điểm đạt được tương ứng và các tài liệu liên quan khác đến các thành viên Hội đồng thẩm định Đề án phân loại đô thị loại V trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Hội đồng thành lập theo Quyết định số 2404/QĐ-SXD ngày 03/8/2023 của Giám đốc Sở Xây dựng Bình Phước).

+ Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để Hội đồng tiến hành họp, chấm điểm và triển khai thực hiện các kết luận của Hội đồng;

+ Hoàn thiện hồ sơ, tài liệu liên quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định công nhận đô thị đề nghị công nhận đạt tiêu chí đô thị loại V;

+ Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan.

5.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện và hồ sơ đề án phân loại đô thị được lập theo quy định, bao gồm:

+ Phần thuyết minh đề án nêu rõ sự cần thiết, căn cứ pháp lý, phạm vi lập báo cáo; khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển của đô thị; thực trạng đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt; đánh giá hiện trạng phát triển đô thị và chất lượng công trình hạ tầng đô thị, tổng hợp thông tin, số liệu theo các tiêu chí, tiêu chuẩn phân loại đô thị và đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu về phân loại đô thị; báo cáo tóm tắt chương trình phát triển đô thị và kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị các giai đoạn tiếp theo; kết luận và kiến nghị;

+ Các phụ lục kèm theo Đề án gồm văn bản pháp lý: bảng biểu số liệu liên quan và bản vẽ thu nhỏ (A3) được đóng dấu xác nhận gồm sơ đồ vị trí mỗi liên

hệ vùng (01 bản), bản đồ địa giới hành chính đô thị (01 bản), bản đồ hiện trạng xây dựng đô và vị trí các dự án đang triển khai thực hiện (01 bản), sơ đồ định hướng phát triển không gian (01 bản), bản đồ quy hoạch giai đoạn ngắn hạn (02 bản) thể hiện các nội dung quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch hạ tầng kỹ thuật).

Số liệu đánh giá các tiêu chuẩn của phân loại đô thị là số liệu tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề với năm gửi đề án đến cơ quan thẩm định và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp, xác nhận hoặc công bố;

- Phim minh họa thực trạng phát triển của đô thị đề nghị phân loại (khoảng 20 phút).

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định

5.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày

5.5. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện

5.6. Cơ quan giải quyết:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Giám đốc Sở Xây dựng

b) Cơ quan thực hiện: Phòng Quy hoạch Kiến trúc

5.7. Kết quả thực hiện: Báo cáo thẩm định

5.8. Phí, lệ phí: Không quy định

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

5.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị.

III. LĨNH VỰC NHÀ Ở

6. Xây dựng chương trình phát triển nhà ở của địa phương

6.1. Trình tự thực hiện

- Sở Xây dựng thực hiện xây dựng đề cương chương trình phát triển nhà ở, bao gồm nội dung chương trình, dự kiến kinh phí và dự kiến thuê đơn vị tư vấn xây dựng chương trình để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận;

- Sau khi có ý kiến chấp thuận đề cương của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng chương trình phát triển nhà ở để phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) tổ chức khảo sát, tổng hợp số liệu, xây dựng dự thảo chương trình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến;

- Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến về dự thảo chương trình, Sở Xây dựng tổ chức bổ sung, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo để Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua;

- Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua chương trình phát triển nhà ở của tỉnh; sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện chương trình này.

- Sau khi phê duyệt chương trình phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân tỉnh phải đăng tải công khai chương trình, kế hoạch này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và yêu cầu Sở Xây dựng đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng; đồng thời gửi chương trình, kế hoạch này về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý.

6.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

6.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

6.5. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh

6.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

6.7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo thuyết minh Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh.

6.8. Phí, lệ phí: Không quy định

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch sử dụng đất,

quy hoạch đô thị , quy hoạch khu chức năng đặc thù, quy hoạch nông thôn của địa phương đã được phê duyệt (khoản 1 Điều 15 Luật Nhà ở).

6.11. Căn cứ pháp lý: Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

7. Xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương

7.1. Trình tự thực hiện

- Trên cơ sở chương trình phát triển nhà ở của tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Xây dựng trực tiếp thực hiện hoặc thuê đơn vị tư vấn có năng lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở để phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm và hàng năm để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan liên quan có trách nhiệm cung cấp các thông tin liên quan đến nhà ở theo yêu cầu của Sở Xây dựng và phối hợp với Sở Xây dựng, đơn vị tư vấn để xây dựng kế hoạch phát triển nhà ở.

Trường hợp trong nội dung kế hoạch có quy định về sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho phát triển nhà ở thì Ủy ban nhân dân tỉnh phải xin ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch sử dụng vốn trước khi phê duyệt;

- Trên cơ sở đề xuất nội dung kế hoạch phát triển nhà ở của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.

Sau khi phê duyệt chương trình và kế hoạch phát triển nhà ở, Ủy ban nhân dân tỉnh phải đăng tải công khai chương trình, kế hoạch này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm bố trí kinh phí từ ngân sách tỉnh để xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.

7.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

7.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

7.5. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân tỉnh

7.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

7.7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh kèm theo thuyết minh Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh.

7.8. Phí, lệ phí: Không quy định

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Chương trình phát triển nhà ở của tỉnh đã được phê duyệt.

7.11. Căn cứ pháp lý: Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

8. Thủ tục điều chỉnh chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh

8.1. Trình tự thực hiện

- Trước thời hạn 06 tháng, tính đến khi hết giai đoạn thực hiện chương trình phát triển nhà ở theo quy định đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh phải tổ chức xây dựng chương trình phát triển nhà ở mới để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua theo quy định của pháp luật về nhà ở; sau khi chương trình phát triển nhà ở được thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh phải phê duyệt chương trình và tổ chức xây dựng, phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh theo quy định của pháp luật về nhà ở.

- Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp với đơn vị tư vấn, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng các nội dung điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua;

- Sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở;

- Trên cơ sở nội dung điều chỉnh chương trình phát triển nhà ở đã được phê duyệt, Sở Xây dựng tổ chức xây dựng hoặc phối hợp với đơn vị tư vấn để xây dựng nội dung điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

- Việc điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở có thể được thực hiện ngay trong năm sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh chương trình hoặc trong năm sau của năm kế hoạch. Trường hợp điều chỉnh kế hoạch phát triển nhà ở trong năm sau của năm kế hoạch thì Ủy ban nhân dân tỉnh phải phê duyệt kế hoạch điều chỉnh này trước ngày 31 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch dự kiến điều chỉnh;

- Trường hợp điều chỉnh nội dung kế hoạch có quy định về sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cho phát triển nhà ở thì Ủy ban nhân dân tỉnh phải xin ý kiến của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch sử dụng vốn trước khi phê duyệt.

- Sau khi phê duyệt chương trình, kế hoạch đã điều chỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh phải đăng tải công khai chương trình, kế hoạch này trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và yêu cầu Sở Xây dựng đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng; đồng thời gửi chương trình, kế hoạch này về Bộ Xây dựng để theo dõi, quản lý.

8.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Thể hiện rõ các nội dung gồm: lý do, sự cần thiết phải điều chỉnh chương trình, đánh giá kết quả, các tồn tại và hạn chế của nội dung cần điều chỉnh, giải pháp để thực hiện nội dung điều chỉnh, tiến độ, trách nhiệm của cơ quan liên quan thực hiện nội dung điều chỉnh, mối liên hệ, ảnh hưởng của nội dung điều chỉnh với nội dung khác của chương trình, nguồn lực thực hiện và các nội dung liên quan khác (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: Không quy định.

8.4. Thời hạn giải quyết: Trước ngày 31 tháng 12 của năm trước năm kế hoạch dự kiến điều chỉnh.

8.5. Đối tượng thực hiện: Cá nhân, tổ chức liên quan đến phát triển nhà ở.

8.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh
- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan có liên quan trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

8.7. Kết quả thực hiện: Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh kèm theo thuyết minh Kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh điều chỉnh.

8.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Do thay đổi nội dung Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia hoặc thay đổi quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc phải điều chỉnh nội dung chương trình phát triển nhà ở cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

8.11. Căn cứ pháp lý: Khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

B. Thủ tục hành chính nội bộ của Sở Xây dựng

9. Tiếp nhận và xử lý văn bản đến của Sở Xây dựng

9.1. Trình tự thực hiện: Không quy định

9.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp và trên Hệ thống xác thực tập trung của tỉnh (<https://ssobpc.binhphuoc.gov.vn>).

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Văn bản giấy (văn bản mật); văn bản điện tử.

9.4. Thời hạn giải quyết: Văn phòng Sở tiếp nhận, đăng ký, xử lý và chuyển giao văn bản đến các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc ngay trong ngày làm việc, chậm nhất là trong buổi sáng của ngày làm việc tiếp theo. Văn bản đến có các mức độ khẩn: “Hỏa tốc”, “Thượng khẩn” và “Khẩn” (sau đây gọi chung là văn bản khẩn) phải được đăng ký, trình và chuyển giao ngay sau khi nhận được văn bản, kể cả ngày nghỉ.

Văn bản mật thực hiện xử lý theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

9.5. Đối tượng thực hiện: Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở được giao chủ trì xử lý văn bản.

9.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Lãnh đạo Sở Xây dựng

- Cơ quan thực hiện: Văn phòng Sở Xây dựng

9.7. Kết quả thực hiện: Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở được giao chủ trì.

9.8. Phí, lệ phí: Không có.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC: Không quy định

9.11. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

- Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Bí mật Nhà nước;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Quy chế làm việc của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước được ban hành kèm theo Quyết định số 527/QĐ-SXD ngày 03/3/2023.

- Quy chế Văn thư, lưu trữ của Sở Xây dựng tỉnh Bình Phước được ban hành kèm theo Quyết định số 1127/QĐ-SXD ngày 25/4/2023.

- Quyết định số 811/QĐ-SXD ngày 28/3/2023 của Sở Xây dựng về việc ban hành Quy chế bảo vệ Bí mật nhà nước ngành Xây dựng tỉnh Bình Phước.